TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 755/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Ông Phan Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Phan Trọng Tường **-** *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*****:** Ông Trần Văn Đang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 472/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 432/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Nhân D, sinh năm: 1995

Địa chỉ liên hệ: 1429 đường V, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà D vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Thái Ngọc D, sinh năm: 1990

Địa chỉ: A23/20C1 tổ A, ấp B, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 27/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Hồ Thị Nhân D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Nhân D và ông Thái Ngọc D bắt đầu chung sống từ năm 2018, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 35. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống rất hạnh phúc. Nhưng sau khi bà D sinh bé xong thì ông D theo lời rủ rê của bạn bè thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm chăm lo cho gia

đình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, ông D thường xuyên chửi bới, đánh đập bà D khiến cho bà D bị khủng hoảng về tinh thần. Bà D đã chuyển ra ngoài sinh sống từ năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Ngọc D.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông D có 01 con chung tên Thái Thúy A, sinh ngày 07/6/2019. Hiện tại cháu A đang sống cùng với bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Thái Ngọc D tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Thái Ngọc D vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Hồ Thị Nhân D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Thái Ngọc D. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận *"Ông Thái Ngọc D không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại A23/20C1 ấp 1A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Thái Ngọc D có khai báo cư trú và thực tế cư trú tại A23/20C1 ấp 1A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh".* Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Hồ Thị Nhân D vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn bị đơn ông Thái

Ngọc D đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/2018 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Nhân D và ông Thái Ngọc D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã tiến hành tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng có liên quan đến vụ án nhưng không thu thập được, điều này được thể hiện qua công văn số 2227/UBND ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Tòa án về xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà D, ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*.

Theo trình bày của bà D thì bà xác định bà đã không còn tình cảm với ông D, cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của bà D. Điều này cho thấy ông D đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D. Mặt khác, giữa bà D và ông D đã có một thời gian tương đối dài không chung sống cùng nhau. Như vậy, bà D và ông D đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà D và ông D có 01 (một) con chung tên Thái Thúy A, sinh ngày 07/6/2019. Hiện tại cháu A đang sống cùng với bà D. Khi ly hôn,

bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, còn ông D vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu về con chung.

Xét thấy, cháu Thái Thúy A hiện đang sống chung với à D. Tính đến thời điểm hiện tại thì cháu vẫn còn nhỏ tuổi và rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa cháu A đã có sự gắn bó, thân thiết với mẹ từ khi còn bé, bà D cũng đảm bảo các điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, tinh thần cho con sau khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà D, giao cháu Thái Thúy A cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Thái Ngọc D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4]. Về tài sản chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông D vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung giữa ông và bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà D, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.5]. Về nợ chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông D vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung giữa ông và bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà D, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Hồ Thị Nhân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Nhân D đối với bị đơn ông Thái Ngọc D về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Nhân D được ly hôn với ông Thái Ngọc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Thái Thúy A, sinh ngày 07/6/2019 cho bà Hồ Thị Nhân D nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Nhân D không yêu cầu ông Thái Ngọc D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Thái Ngọc D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Nhân D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Hồ Thị Nhân D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Nhân D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0033699 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Nhân D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh (1);
- UBND Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (1) ;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Dương

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ .....phút, ngày 23 tháng 8 năm 2024
Tại: Phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Ông Phan Hoàng Nam

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Nhân D, sinh năm: 1995

Địa chỉ liên hệ: 1429 đường Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà D vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Thái Ngọc D, sinh năm: 1990

Địa chỉ: A23/20C1 tổ 38A, ấp 1A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông D vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tỷ lệ biểu quyết 3/3

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Nhân D đối với bị đơn ông Thái Ngọc D về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Nhân D được ly hôn với ông Thái Ngọc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Thái Thúy A, sinh ngày 07/6/2019 cho bà Hồ Thị Nhân D nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Nhân D không yêu cầu ông Thái Ngọc D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Thái Ngọc D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay

đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Nhân D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Hồ Thị Nhân D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Nhân D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Bà D đã nộp theo biên lai thu số 0033699 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Nhân D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Tỉ lệ biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên đã đọc lại biên bản, ghi nhận đúng nội dung đã quyết định và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*